

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Vũ

Bà Nguyễn Thị Cẩm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia phiên tòa.*

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bảo N, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ ấp Q, xã T1, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 nguyên đơn chị Trần Thị Bảo N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T thành hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện O, tỉnh Vĩnh Long ngày 28/4/2021. Thời gian vợ chồng sống chung được 02 năm không có hạnh phúc do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân khoảng 2 tháng nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết

cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung không có. Tài sản chung, nợ chung N không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị Bảo N có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Bảo N vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Trần Thị Bảo N và anh Nguyễn Văn T thành hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện O, tỉnh Vĩnh Long ngày 28/4/2021 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.1.2] Trong quá trình chung sống, chị Trần Thị Bảo N trình bày vợ chồng sống chung không có hạnh phúc do không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau và đã ly thân khoảng 02 tháng nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T vắng mặt nhiều lần chứng tỏ anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung chị Trần Thị Bảo N xác định không có không nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Bảo N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Bảo N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bảo N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Bảo N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Bảo N có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 003944 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị N đã nộp đủ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1 (GCNKH số 31, ngày 28/4/2021);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga